

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 31-5-2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Bà Lý Diệu Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024-DS, ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tăng Văn H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Đặng Văn Do, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1974, bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang; (Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang, ông H1, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên ông Tăng Văn H trình bày:

Năm 2019 vợ chồng ông Nguyễn Thanh H1, bà Võ Thị Kim T có đến hộ kinh doanh Triệu – Phúc, do ông H làm chủ để mua vật tư nuôi trồng thủy sản, việc mua

bán thời gian đầu hai bên không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2022 khi thấy công nợ lên cao mà vợ chồng ông H1, bà T chậm thanh toán nên ngày 06/02/2022 hai bên đối chiếu nợ thì ông H1, bà T còn nợ lại đại lý của ông H số tiền 78.480.000 đồng, cũng trong ngày 06/02/2022 vợ chồng ông H1, bà T có trả cho ông H được 18.480.000 đồng còn nợ lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), ông H1 có ký giấy thừa nhận nợ và cam kết trả dần cho ông H mỗi năm là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng ông H không đồng ý, ông H yêu cầu vợ chồng ông H1, bà T mỗi năm phải trả từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông H1, bà T cũng không trả nợ cho ông H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H1, bà T trả số tiền còn thiếu là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật từ ngày 06/02/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 và bà Võ Thị Kim T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử) nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2024 đồng bị đơn bà Võ Thị Kim T trình bày: Bà T thừa nhận nội dung trong đơn khởi kiện của ông H là đúng và thừa nhận vợ chồng bà T, ông H1 còn nợ lại ông H số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà T xin được trả dần nhiều lần, nhưng do chồng bà T là ông H1 không có mặt ở nhà nên bà T không tự quyết định được số tiền phải trả cụ thể là bao nhiêu. Bà T chỉ đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Tờ liệt kê tên hàng hóa có ghi số tiền (phô tô); Biên bản chuyển đơn; Đơn yêu cầu ngày 29/10/2023;

Bị đơn cung cấp: Không có.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai bà Võ Thị Kim T ngày 11/4/2024.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn vắng mặt nhiều lần, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Võ Thị Kim T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông H1, bà T cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên ông Tăng Văn H với bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Võ Thị Kim T là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Cụ thể nguyên đơn ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H1, bà T trả số tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 06/02/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông H1, bà T nhưng cả hai vợ chồng ông H1, bà T đều không đến Tòa án để tham gia hòa giải cũng như xét xử. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2024 đồng bị đơn bà Võ Thị Kim T thừa nhận nội dung trong đơn khởi kiện của ông H là đúng và thừa nhận còn nợ lại ông H số tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Bà T chỉ đồng ý trả nợ gốc với hình thức trả thành nhiều lần, không đồng ý trả lãi chậm thanh toán.

Như vậy, việc ông H khởi kiện vợ chồng ông H1, bà T có mua vật tư thủy sản tại Hộ kinh doanh của ông H và còn nợ lại số tiền 60.000.000 đồng là đúng sự thật, được phía bị đơn (bà T) thừa nhận.

Xét việc vợ chồng ông H1, bà T mua vật tư thủy sản của ông H từ năm 2019 đến ngày 06/02/2022 hai bên chốt nợ và còn nợ lại ông H số tiền 60.000.000 đồng nhưng đến nay không thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của người mua theo quy định của pháp luật. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1, bà T phải trả số tiền còn thiếu 60.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất chậm thanh toán: Ông H yêu cầu vợ chồng ông H1, bà T phải chịu lãi suất chậm thanh toán từ khi hai bên chốt nợ ngày 06/02/2022 đến ngày xét xử là 31/5/2024. Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng ông H1, bà T mua vật tư thủy sản của ông H nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vì vậy ông H yêu cầu vợ chồng ông H1,

bà T phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thanh toán là phù hợp theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể:

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Tuy nhiên, trong quá trình mua bán ông H với vợ chồng ông H1, bà T không có thỏa thuận về mức lãi suất. Do đó, tiền lãi chậm trả được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (10%/năm), tức là 0,83%/tháng. Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 06/02/2022 đến ngày 31/5/2024 là: 60.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 27 tháng x 25 ngày = 13.910.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 73.910.000 đồng (bảy mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H1, bà Võ Thị Kim T phải chịu tiền án phí là 73.910.000 đồng x 5% = 3.695.000 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Tăng Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003058 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Văn H với bị đơn Nguyễn Thanh Hoàng, bà Võ Thị Kim T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh H1, bà Võ Thị Kim T chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Tăng Văn H số tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu gốc và lãi tổng cộng là 73.910.000 đồng (bảy mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh H1, bà Võ Thị Kim T phải chịu tiền án phí là 3.695.000 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Tăng Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003058 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh